TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày 02-01-2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25/12/2023 và ngày 02/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLPT-HNGĐ ngày 31/10/2023, về việc: *"Ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/HNGĐ-ST ngày 13/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 131/2023/QĐ-PT ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thanh S – sinh năm 1968.
- *Bị đơn:* Bà Võ Thị X – sinh năm 1967.

Cùng cư trú tại đội D, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị X – là bị đơn trong vụ án.

(Ông Đỗ Thanh S và bà Võ Thị X có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Thanh S trình bày:*

Ông và bà Võ Thị X tự nguyện tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1986 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi nhưng nay giấy đăng ký hôn đã bị thất lạc. Trong những năm gần đây

vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, bà X thường xuyên đến công trường nơi ông làm việc để gây gỗ, chửi bới, xúc phạm ông. Hiện nay hai vợ chồng ông đã phần ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét tình cảm giữa ông và bà X không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thị X. Giữa ông và bà Võ Thị X có ba con chung là cháu Đỗ Thị Tường V – sinh năm 1987, cháu Đỗ Thị Tường L – sinh năm 1989 và cháu Đỗ Thị Tường T – sinh năm 1997. Cả ba cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, ông và bà X thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông S trình bày không có.

** Tại Bản tự khai ngày 06/02/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị X trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Đỗ Thanh S về quan hệ hôn nhân, bà và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông S thì bà không đồng ý vì thấy rằng vợ chồng đã lớn tuổi, có sui gia, cháu ngoại và hiện tại bà còn yêu thương ông S nên bà không đồng ý ly hôn. Về con chung, nợ chung bà thống nhất như ông S trình bày. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/HNGĐ-ST ngày 13/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh S.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Thanh S được ly hôn với bà Võ Thị X.

- Về con chung: Ông Đỗ Thanh S và bà Võ Thị X có 3 người con là Đỗ Thị Tường V – sinh năm 1987, Đỗ Thị Tường L – sinh năm 1989 và Đỗ Thị Tường T – sinh năm 1997. Các con chung đã trên 18 tuổi, đều đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

** Ngày 25/7/2023, bà Võ Thị X có đơn kháng cáo với nội dung:* Sửa bản án sơ thẩm số 42/2023/HNGĐ-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đỗ Thanh S về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Võ Thị X.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn là bà Võ Thị X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/HNGĐ-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 13/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử vụ án. Ngày 25/7/2023, bà Võ Thị X có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Ông Đỗ Thanh S và bà Võ Thị X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 1986 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét kháng cáo của bà Võ Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà X kháng cáo cho rằng vài năm gần đây thì chồng bà có lơ là việc chăm sóc vợ con, bà có nghe thông tin là chồng bà có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, nên bà có đến chỗ làm của chồng bà để khuyên nhủ chồng bà về với gia đình chứ bà không có chửi bới, xúc phạm ông S và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được, bà còn yêu thương chồng bà nên mong muốn được đoàn tụ. Tại đơn xin xác nhận trình bày ý kiến đề ngày 22/12/2023 của các con ông S, bà X gồm: Cháu Đỗ Thị Tường V, cháu Đỗ Thị Tường L và cháu Đỗ Thị Tường T, thể hiện nội dung: *Cha mẹ các cháu vài năm gần đây có xảy ra cãi vả nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng không đến mức phải ly hôn, hiện nay cha mẹ các cháu vẫn sống cùng nhà và sinh hoạt chung, mẹ các cháu vẫn còn yêu thương ba và mong muốn gia đình được đoàn tụ*.

Theo biên bản xác minh ngày 05/12/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ xã cho biết không rõ nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn giữa ông S và bà X, Hội phụ nữ xã không nhận được đơn thư phản ánh nhờ can thiệp giải quyết mâu thuẫn giữa ông S và bà X, trường hợp này chi hội phụ nữ thôn H cũng không báo.

Qua xem xét toàn diện các chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên chưa đến mức trầm trọng. Ông S yêu cầu ly hôn với bà X vì cho rằng những năm gần đây vợ chồng ông thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vả, bà X thường xuyên đến công trường làm việc để gây gỗ,

chửi bới, xúc phạm ông. Tuy nhiên, theo bà X trình bày, do bà ghen tuông và cũng xuất phát từ tình cảm yêu thương, lo lắng cho ông S nên bà có một lần đến công trường nơi ông S đang thầu xây dựng để nói chuyện nhưng bà không chửi bới, xúc phạm ông S. Trong cuộc sống bà luôn yêu thương ông S, hoàn thành trách nhiệm của một người vợ đối với chồng, một người con dâu trong gia đình.

Xét thấy, tại phiên tòa ông S thừa nhận ông không có chứng cứ chứng minh việc mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà X xác định bà vẫn còn tình cảm với ông S, thiết tha được đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, để tạo điều kiện cho bà X và ông S hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị X, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đỗ Thanh S.

[4] Về án phí dân sự:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004322 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Võ Thị X không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0006265 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Võ Thị X; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/HNGĐ-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng Điều 19, 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Thanh S về việc xin ly hôn với bà Võ Thị X.

2. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đỗ Thanh S, nên các vấn đề khác như con chung, tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

- Ông Đỗ Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004322 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Hoàn trả lại cho bà Võ Thị X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0006265 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Dũng